

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 251/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; căn cước công dân số 031178001342; nơi cư trú: Tổ dân phố Chung Mỹ, phường Hoà Bình, phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975; căn cước công dân số 031075017152; nơi cư trú: Tổ dân phố Chung Mỹ, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 07 tháng 5 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng ngày 16/03/2001. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong lao động làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn, chị Nga và anh Vĩnh hiện đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Nga nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Chị và anh Nguyễn Văn V có 03 con chung tên Nguyễn Hà Vi, sinh ngày 13/01/2002; Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 30/3/2007. Hiện 03 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Nga không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung do chị và anh Vĩnh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2026 bị đơn anh Nguyễn Văn V có lời khai thể hiện: Anh Vĩnh kết hôn với chị Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng ngày 16/03/2001. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Nga có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh Vĩnh mong muốn chị Nga cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị Nga vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh và chị Nga có 03 con chung tên Nguyễn Hà Vi, sinh ngày 13/01/2002; Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 30/3/2007. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nên anh Vĩnh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung do anh và chị Nga tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V. Về con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con, Xác nhận thông tin nơi cư trú; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng ngày 16/03/2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị Ngà và anh Vĩnh đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn V có lời khai mong muốn đoàn tụ nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh Nguyễn Văn V vẫn vắng mặt không có lý do, không thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V có 03 con chung tên Nguyễn Hà Vi, sinh ngày 13/01/2002; Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 30/3/2007. Hiện cả 03 con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động. Chị Ngà và anh Vĩnh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V có lời khai thể hiện vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006569 ngày 28 tháng 05 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Hòa Bình, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà